**Biểu mẫu 17**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021 -2022**

**Ngành: Sư phạm Lịch sử Văn bằng 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học (hệ Vừa làm vừa học) | Cao đẳng sư phạm chính quy | Trung cấp sư phạm chính quy |
| Văn bằng 2 |  |  |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Đã tốt nghiệp 1 bằng đại học hệ chính quy về Khoa học xã hội và nhân văn, hoặc đại học sư phạm không phải là sư phạm lịch sử.  - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***1. Kiến thức***  Có kiến thức khoa học lịch sử mang tính hệ thống, sâu rộng cả về lịch sử, dân tộc, lịch sử thế giới và giáo dục lịch sử cùng những kiến thức đại cương về chính trị pháp luật, tâm lý, giáo dục, lịch sử địa phương, để làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học chuyên nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu ở mức nhất định để có thể học lên trình độ Sau đại học.  ***2. Kỹ năng***  ***2.1. Kỹ năng cứng:***  *+ Tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục*  *+ Xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh*  *+ Tổ chức, triển khai kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh*  *+ Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học và giáo dục học sinh.*  *+Tự phát triển chuyên môn, nghề nghiệp*  *+ Vận dụng tri thức lý luận về nghiên cứu khoa học để thực hiện các đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học.*  + *Đánh giá bối cảnh XH, tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn*  ***2.2. Kỹ năng mềm***  *\* Kỹ năng cá nhân:*  + Có kỹ năng tự học và học tập suốt đời.  + Có kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin.  *\*Làm việc nhóm*  Có kỹ năng thành lập nhóm, xây dựng, triển khai kế hoạch làm việc nhóm, có khả năng thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.  *\* Kỹ năng quản lý, lãnh đạo:*  Có kỹ năng ra những quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong trường, lớp mà mình phụ trách.  *\* Kỹ năng hoạt động xã hội:*  Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu của nghề nghiệp .  *\* Kỹ năng giao tiếp:*  Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp trực tiếp giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.  *\* Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:*  + Có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ B1 (tương đương bậc 3 trong thang 6 bậc của Việt Nam).  + Có kỹ năng tin học văn phòng cơ bản phù hợp công việc chuyên môn. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Mỗi lớp sinh hoạt của sinh viên có một cố vấn học tập, làm nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt.  Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề huyện phối hợp với Khoa Bồi dưỡng và Giáo vụ khoa hỗ trợ, tư vấn cho người học về các vấn đề học vụ.  Dịch vụ dành cho người học đa dạng và hầu hết đều có thể thực hiện qua online như: xem thông báo, Thời khóa biểu, đăng ký học phần, tra cứu điểm thi, Nộp tiền học phí,…  - Khoa và Bộ môn tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo để tạo điều kiện cho người học tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia tập dượt các hoạt động Xeminar khoa học.  - Tổ chức tham quan thực tế, kiến tập, thực tập nghề theo định kỳ.  Trung tâm quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên hỗ trợ các hoạt động thực thực hành và giới thiệu việc làm cho sinh viên |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Mã ngành: Sư phạm Lịch sử. Hệ: Vừa làm vừa học.  Chương trình đào tạo gồm: 30 học phần với 70 tín chỉ  Trong đó có các khối kiến thức: Kiến thức nghiệp vụ sư phạm 22 tín chỉ; Kiến thức chuyên nghiệp 41 tín chỉ; Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 7 tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp người học có thể học lên các trình độ sau đại học về Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Giáo dục Lịch sử ở các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Giáo viên trung học cơ sở giảng dạy môn Lịch sử.  Giáo viên tiểu học giảng dạy phần lịch sử trong môn Tự nhiên & xã hội ở khối 4 và 5  Có thể làm cán bộ quản lý tư liệu và hướng dẫn tham quan tại các bảo tàng, nhà truyền thống, khu di tích lịch sử văn hóa của trung ương và địa phương hoặc làm công tác nghiên cứu, quản lý, chuyên viên các cơ quan giáo dục, cơ sở đào tạo giáo viên,  Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác văn hóa xã hội ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội, các Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo ở Tỉnh ủy, Huyện ủy hoặc làm công tác nghiên cứu Lịch sử, Văn hóa, Du lịch tại các bảo tàng, nhà truyền thống, khu di tích lịch sử văn hóa, khu lưu niệm của các danh nhân từ cấp xã đến cấp tỉnh |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021 - 2022**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | | | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | Cao đẳng sư phạm | | Trung cấp sư phạm | |
| Chính quy | Vừa làm  vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Khối ngành I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Khối ngành II |  |  |  | 12 |  |  |  |  |
| 3 | Khối ngành III |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Khối ngành IV |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Khối ngành V |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Khối ngành VI |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Khối ngành VII |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2020 - 2021**

C**. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành học: ĐHSP Lịch sử Liên thông từ CĐSP, Hệ Vừa làm vừa học**

**Khóa: 61**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | Trang bị cho người học những tri thức cơ bản hệ thống nâng cao và về lịch sử Việt Nam hiện đại và rèn luyện các kỹ năng vận dụng kiến thức học phần vào việc nghiên cứu giảng dạy lịch sử Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông | 4 | 25/9 – 07/11/2021 | - Tự luận; kết hợp vấn đáp trực tuyến với bài kiểm tra thường xuyên và thi giữa kì  - Tiểu luận thay bài thi kết thúc học phần |
| 2 | Thực tập sư phạm | Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của giáo viên lịch sử | 03 | 4 tuần (15/11- 14/12) | Thực hành |

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2020 - 2021**

C**. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành học: ĐHSP Lịch sử VB2. Hệ Vừa làm vừa học**

**Khóa: 61**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Lịch sử Việt Nam cận đại | Trang bị cho người học những tri thức cơ bản hệ thống nâng cao và về lịch sử Việt Nam cận đại và rèn luyện các kỹ năng vận dụng kiến thức học phần vào việc nghiên cứu giảng dạy lịch sử Việt Nam cận đại ở trường phổ thông | 4 | 06-24/9/2021 | Tự luận; kết hợp vấn đáp trực tuyến với bài kiểm tra thường xuyên và thi giữa kì  - Tiểu luận thay bài thi kết thúc học phần |
| 2 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | Trang bị cho người học những tri thức cơ bản hệ thống nâng cao và về lịch sử Việt Nam hiện đại và rèn luyện các kỹ năng vận dụng kiến thức học phần vào việc nghiên cứu giảng dạy lịch sử Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông | 4 | 25/9 – 07/11/2021 | - Tự luận; kết hợp vấn đáp trực tuyến với bài kiểm tra thường xuyên và thi giữa kì  - Tiểu luận thay bài thi kết thúc học phần |
| 3 | PP DH lịch sử ở trường THPT | Trang bị kiến thức lý thuyền về hương pháp dạy học lịch sử và rèn luyện các kỹ năng thực hành day học lịch sử | 4 | 02/10- 14/11/2021 | - Bài test online kiểm tra thường xuyên.  - Thi tự luận online (mở) giữa kì.  - Tiểu tuận thay thế thi kết thúc học phần |
| 4 | Lịch sử địa phương và PPNCGD lịch sử địa phương ở trường PT | Trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết về Lịch sử địa phương, PPCNGD lịch sử địa phương, rèn luyện ký năng nghiên cứu biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương | 2 | 20/11 – 4/12 | Tự luận; kết hợp vấn đáp trực tuyến với bài kiểm tra thường xuyên và thi giữa kì  - Tiểu luận thay bài thi kết thúc học phần |
| 5 | Thực tập sư phạm | Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của giáo viên lịch sử | 06 | 8 tuần HK2 | Thực hành |

**D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn (giáo trình nội bộ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) |
| 1 | Lịch sử Việt Nam cận đại | 2018 |  |
| 2 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | 2018 |  |
| 3 | Lịch sử địa phương và phương pháp nghiên cứu giảng dạy LSĐP ở trường PT | 2021 | ThS. Trần Thị Tuyết Nhung biên soạn từ tháng 9 – 10/2021. Bộ môn Nghiệm thu tháng 11 năm 2021 |
| 4 | Hệ thống PP DH lịch sử ở trường THPT | 2019 |  |
| 5 | Chủ nghĩa tư bản hiện đại | 2018 |  |
| 6 | Một số biện pháp nâng cao hiệu quả Bài giảng lịch sử ở trưởng PT | 2018 |  |
| 7 | Hậu phương CM trong chiến tranh VN 1945 - 1975 | 2018 |  |

**E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
| 1 | Tiến sĩ |  |  |  |  |
| 2 | Thạc sĩ |  |  |  |  |
| 3 | Đại học | Không |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

**H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/Công nhận | | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/Công nhân | |
| Ngày cấp | Giá trị đến |
| 1 | | Trường Đại học Quảng Bình | Tháng 11 / 2017 |  | |  | Đạt |  |  |
| 2 | |  |  |  | |  |  |  |  |
|  | | | | *Quảng Bình, ngày 31. tháng 10 năm 2018* | | | | |

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ TRƯỞNG PHÒNG ĐBCLGD**

**ThS. Lê Trọng Đại TS. Nguyễn Quảng Hòe ThS Nguyễn Đại Thăng**